TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ - ST
Ngày 05/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thọ

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị Th, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn L xã B, tỉnh Tuyên Quang; số CCCD: 002197***387, cấp ngày 07/01/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang; số CCCD: 002097***690, cấp ngày 14/5/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2025, bản tự khai ngày 22/10/2025 nguyên đơn chị Ma Thị Th trình bày: Chị Ma Thị Th và anh Nguyễn Văn Ngh kết hôn với nhau từ ngày 04/4/2020 trên cơ sở tự nguyện của nhau và tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 4 năm đầu, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm việc gì cũng mỗi người một ý, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, thường xuyên cãi vã. Anh Ngh thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, mỗi lần chị Th góp ý anh Ngh lại đánh chửi chị Th. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, vợ chồng cũng đã cùng nhau cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được 7 tháng, sống không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Th nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy chị Th đề nghị Toà án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Ngh.

2. Về con chung:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Ma Thị Th trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 23/9/2014 và con thứ hai là Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/9/2017. Khi ly hôn chị Th đề nghị tòa án giải quyết cho chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Kh và H, không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra và giao nộp tài liệu chứng cứ, chị Ma Thị Th thay đổi yêu cầu, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Ngh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Kh và H, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Cháu Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Thị H có nguyện vọng được ở với bố.

3. Về phần tài sản, công nợ: Chị Th trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Ngh nhưng anh Ngh đi làm thuê cho công ty ở tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hải Phòng không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978; trú tại: Thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang, là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Ngh và đang sinh sống cùng nhà với anh Ngh. Ông Th cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ngh nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay anh Ngh không đến Tòa án để trình bày yêu cầu của mình, cũng không có ý kiến bằng văn bản, tài liệu chứng từ gì cung cấp cho Tòa án. Anh Ngh đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2025 cán bộ Tư pháp và Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã Bằng Hành, ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ của anh Ngh, hiện đang chung sống cùng địa chỉ với anh Ngh cho biết: Anh Ngh đi làm thuê cho công ty ở tỉnh Bắc Ninh và Hải Phòng, còn địa chỉ cụ thể chỗ làm và chỗ ở anh Ngh không nói cho ông Th và gia đình biết. Anh Ngh thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và về nhà khi có công việc và ngày lễ, ngày tết. Ông Th đã thông báo và giao lại thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Ngh theo đúng cam kết nhưng anh Ngh có ý kiến do bận phải đi làm, không xin nghỉ được nên anh Ngh không đến Tòa án để trình bày quan điểm

của mình về việc chị Th có đơn yêu cầu ly hôn. Ông Th có hỏi quan điểm của anh Ngh về việc chị Th yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, anh Ngh nhất trí ly hôn với chị Th. Quá trình chung sống, chị Th và anh Ngh có 2 con chung, con thứ nhất tên là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 23/9/2014 và con thứ hai tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/9/2017, hiện nay cả hai con Kh và H đang được chị Th và anh Ngh gửi cho ông Th chăm sóc, hàng tháng chị Th và anh Ngh vẫn thường xuyên gửi tiền về nhà cho ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng các con đảm bảo về điều kiện vật chất và học hành đầy đủ. Ông Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Ngh là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con để ông Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu học hành. Ngoài ra ông Th còn cho biết thêm do chị Th và anh Ngh đều đi làm thuê cho công ty ngoại tỉnh nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không thì ông không biết, chỉ thấy anh Th gọi điện về hỏi thăm và nói chuyện với gia đình và các con, về nhà khi có công việc, còn chị Th ít gọi điện, ít về nhà hơn, chỉ tết mới về nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 96 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Th, giao con Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 23/9/2014 và con Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/9/2017 cho anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; buộc đương sự phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Ngh và việc nuôi con chung của vợ chồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và bị đơn anh Nguyễn Văn Ngh cư trú tại thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Ngh đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Th và anh Nguyễn Văn Ngh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ngh là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Th trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm việc gì cũng mỗi người một ý, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, thường xuyên cãi vã. Anh Ngh thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, mỗi lần chị Th góp ý anh Ngh lại đánh chửi chị Th. Chị Th khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, sống không còn tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau vì vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, tuy anh Ngh không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình, anh Ngh nói với ông Th là bố đẻ của anh Ngh, việc chị Th đề nghị được ly hôn, anh Ngh nhất trí ly hôn. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị Th và anh Ngh đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Th đề nghị được ly hôn với anh Ngh là có căn cứ, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Ngh là người trực tiếp nuôi cả hai con Nguyễn Văn Kh và con Nguyễn Thị H. Hiện tại cả hai con đang được chị Th và anh Ngh gửi ông bà nội chăm sóc. Cháu Kh và H đều có nguyện vọng được ở với bố. Tuy anh Ngh không đến tòa án để trình ý kiến về việc giao con cho ai nuôi sau khi ly hôn nhưng hiện tại hàng tháng anh Ngh đi làm thuê vẫn gửi tiền về để ông bà nội nuôi dưỡng đảm bảo được cơ sở vật chất, điều kiện sống và việc học tập của các con. Vì vậy sau khi ly hôn việc giao con Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Thị H cho anh Ngh là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu vẫn đảm bảo được mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp

với nguyện vọng của con chưa thành niên và yêu cầu của chị Th, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh Ngh không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung và đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6].Về án phí: Chị Ma Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Th ly hôn với anh Nguyễn Văn Ngh.

* Về con chung: Anh Nguyễn Văn Ngh là người trực tiếp nuôi dưỡng các con Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 23/9/2014, Nguyễn Thị H, sinh ngày 27/9/2017 cho đến khi các con Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị H đủ 18 tuổi. Chị Ma Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Ma Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001348 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- UBND xã B
(Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hải Phương